



HỌC THUYẾT, NGÂN SÁCH VÀ KHẢ NĂNG QUÂN SỰ CỦA NHẬT BẢN

Nguồn: Christopher Hughes (2008). "Chapter Two: Japan's Military Doctrine, Expenditure and Power Projection", *The Adelphi Papers*, 48:403, pp. 35-52.

Biên dịch: Đặng Thị Oanh | **Hiệu đính:** Phạm Trang Nhung

Sự thay đổi các học thuyết và năng lực quân sự của Nhật Bản

Để đối phó với nhiều thách thức an ninh mà nước này phải đối mặt, Nhật Bản thấy rằng cần phải liên tục xem xét lại các học thuyết và năng lực quốc phòng của mình. Quá trình này đã bắt đầu từ cuối thời chính quyền Koizumi và vẫn tiếp diễn khi những người kế nhiệm ông nắm quyền. Nhật Bản đã đưa ra một bản Hướng dẫn chương trình quốc phòng (NDPG) sửa đổi vào tháng Mười Hai năm 2004, cùng với một bản Kế hoạch quốc phòng trung hạn (MTDP) mới cho giai đoạn 2005-2009 nhằm lên kế hoạch mua sắm quân sự dài hạn cho chính mình.

Bản NDPG đã tiếp nối bản Phác thảo Chương trình quốc phòng (NDPO) năm 1995 khi nhấn mạnh các mối quan tâm đối với an ninh khu vực của Nhật Bản và tầm quan trọng của liên minh Mỹ-Nhật trong việc đối phó với chúng, nhưng Bản hướng dẫn đã đi xa hơn Bản phác thảo khi chỉ ra một loạt các mối đe dọa mới, bao gồm cả các cuộc tấn công tên lửa đạn đạo, các cuộc tấn công du kích và đặc công, xâm nhập lãnh hải và chiến tranh hóa học, sinh học. Những mối quan tâm này phản ánh rõ ràng các hoạt động của Bắc Triều Tiên và Trung Quốc; NDPG đã thực sự đi xa hơn NDPO năm 1995, không chỉ trong việc xác định Bắc Triều Tiên là một nhân tố gây bất ổn trong khu vực Đông Á, mà còn lần đầu tiên nêu bật các mối quan ngại về tác động của Trung Quốc đối với an ninh khu vực, dù rằng chỉ nói

gián tiếp (tài liệu cho biết Nhật Bản sẽ tiếp tục chú ý tới việc Trung Quốc hiện đại hóa quân sự trong tương lai).¹

NDPG cũng đi xa hơn NDPO năm 1995 khi nhấn mạnh lợi ích an ninh toàn cầu bên ngoài khu vực Đông Á. Theo NDPG, "khu vực trải dài từ Trung Đông đến Đông Á là rất quan trọng với Nhật Bản", qua đó gắn những lợi ích an ninh của Nhật Bản với các lợi ích của Mỹ trong "Vòng cung bất ổn". Nhật Bản sẽ tham gia tích cực vào các hoạt động "hợp tác hòa bình quốc tế" thông qua việc cử binh sĩ của Lực lượng phòng vệ Nhật Bản (JSDF) đi hỗ trợ các chiến dịch đa quốc gia của Liên Hợp Quốc và do Mỹ dẫn đầu.²

Để Nhật Bản hoàn thành các trách nhiệm mang tính khu vực và toàn cầu này, cả NDPG và MTDP đều lập luận rằng JSDF nên tìm cách thiết lập các lực lượng "đa chức năng, linh hoạt và hiệu quả" với đặc trưng là sự linh động và khả năng phản ứng nhanh, sự phối hợp mệnh lệnh và kiểm soát được tăng cường và khả năng thực hiện các hoạt động nghĩa vụ quân sự, khả năng tương tác cao với các lực lượng của Liên Hợp Quốc và Hoa Kỳ, và các công nghệ quân sự và tình báo tiên tiến. Về vũ khí và tổ chức cụ thể, MTDP nhấn mạnh việc giảm quân số các lực lượng kiểu Chiến tranh lạnh của Nhật Bản, và chuyển đổi sang một lực lượng JSDF nhỏ hơn nhưng được tăng cường về chất lượng và được trang bị khả năng viễn chinh mạnh hơn.

Do đó, NDPG 2004 đã thiết lập chương trình tăng cường sức mạnh và khả năng quân sự của Nhật Bản trong khoảng thời gian năm năm vượt qua cả thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thủ tướng của ông Koizumi. Vào đầu năm 2009, các nhà hoạch định an ninh Nhật Bản đã tham gia vào việc chuẩn bị một bản NDPG sửa đổi được ban hành vào cuối năm đó. Bộ Quốc phòng đã bắt đầu các cuộc thảo luận nội bộ về bản NDPG sửa đổi này từ năm 2008 và, cũng giống như quá trình sửa đổi NDPO 1995 và NDPG 2004, một nhóm Cố vấn Quốc phòng mới của Thủ tướng được thành lập tại văn phòng của ông Aso trong tháng 1 năm 2009. Nhóm Cố vấn do Tsunehiko Katsumata, Chủ tịch Công ty Điện lực Tokyo, chủ trì và bao gồm các cựu quan chức chính phủ và học giả cao cấp.

Nhóm cố vấn chịu trách nhiệm đưa ra một bản báo cáo chuyên môn và độc lập về việc sửa đổi NDPG tới giữa năm 2009, để giúp định hướng cho những nỗ lực của chính Bộ Quốc phòng. Do đó, Nhật Bản đã tham gia vào việc lập kế hoạch dài hạn cho chính sách an ninh của mình, và mức độ tái quân sự hóa của nước này cần được xem xét chính trong bối cảnh này.

¹ JDA, *National Defense Program Guidelines, FY 2005–*, <http://www.jda.go.jp>, pp. 2–3.

² *Như trên*, p. 9.

Chi tiêu quốc phòng

Việc đánh giá quá trình tái quân sự hóa của Nhật Bản, dựa theo quy mô của ngân sách quốc phòng và quân số JSDF, đòi hỏi một phương pháp luận thận trọng và chỉ có thể thể hiện một phần mức độ thay đổi quân sự. Tuy nhiên, vẫn cần phải xem xét kỹ lưỡng ngân sách quốc phòng Nhật Bản, trước hết, bởi vì bất kỳ thay đổi đáng kể nào sẽ là một dấu hiệu điển hình của việc tái quân sự hóa, và thứ hai, bởi vì bản thân Nhật Bản từ lâu đã gán cho hành động giới hạn ngân sách quốc phòng một vai trò quốc tế quan trọng là trở thành biểu tượng cho lập trường quân sự kiềm chế của nước này.

Khi được đo bằng đồng đô la Mỹ, tổng ngân sách quốc phòng của Nhật Bản tăng mạnh trong khoảng từ cuối Chiến tranh Lạnh đến giữa những năm 2000, đạt khoảng từ 40 tỷ đến 45 tỷ đô-la, đưa Nhật Bản trở thành nước chi tiêu quốc phòng cao thứ ba trên thế giới sau Mỹ và Pháp vào cuối những năm 1990, và cao thứ tư vào năm 2005 sau Mỹ, Pháp và Anh, dù có nhiều khả năng nước này sẽ tụt lại sau Trung Quốc.

Tuy nhiên, những số liệu này đã bị thổi phồng do sức mạnh tương đối của đồng yên so với đồng đô la Mỹ. Nếu ngân sách quốc phòng của Nhật Bản được tính bằng yên, thì nó bị đình trệ và thực tế đã giảm kể từ cuối những năm 1990, với mức chi tiêu tối đa được cho là rơi vào khoảng 40 tỷ đô-la hay 5 nghìn tỉ yen. Ngân sách quốc phòng của Nhật Bản dù tính bằng đô la hay nội tệ cũng không tăng trưởng quy mô lớn như của Mỹ, các quốc gia NATO chủ chốt, Nga và thậm chí cả Trung Quốc trong giai đoạn sau ngày 11 tháng 9, chỉ dừng lại ở mức tăng trưởng hàng năm dưới 1% cho đến năm 2002, và sau đó đạt tỷ lệ tăng trưởng từ 0,1% và 1,0% cho đến năm 2008.

Mức độ quan trọng tương đối của chi tiêu quốc phòng với tư cách là một ưu tiên của chính phủ cũng giảm so với tỷ lệ ngày càng tăng của chi tiêu dành cho an sinh xã hội và các công trình công cộng trong thập kỷ qua, từ khoảng 6,5% tổng chi tiêu chính phủ vào giữa những năm 1980 xuống còn dưới 6% tới năm 2008.³ Lượng tiền dành cho việc mua sắm các hệ thống vũ khí mới trong ngân sách quốc phòng thắt chặt này cũng đang chịu áp lực nặng nề. Việc cắt giảm ngân sách quốc phòng cho thấy một xu hướng dài hạn, là phần quỹ dành cho vấn đề nhân sự và hậu cần ngày càng tăng - chiếm 44% vào năm 2008, trong khi phần dành cho mua sắm thiết bị lại giảm đi - từ khoảng 23% ngân sách năm 1988 xuống khoảng 17%

³ Boeishohen, *Boei Hakusho 2008* (Tokyo: Zaimusho Insatsukyoku, 2008), p. 333.

trong năm 2008.⁴ Phân bổ Quốc phòng Nhật Bản đang chịu áp lực liên tục từ các lĩnh vực khác. Từ năm 2004, Bộ Tài chính đã liên tục cắt giảm các yêu cầu tăng ngân sách quốc phòng từ 1,2-1,5% xuống dưới 1%; trong năm 2009, mức tăng đề nghị 2,2% đã bị cắt giảm xuống 0,8%.⁵

Tình trạng ngân sách quốc phòng trì trệ của Nhật Bản cho thấy những hạn chế cố hữu trong việc tái quân sự hóa của nước này. Điều này được khẳng định bằng việc duy trì giới hạn 1% GNP trong chi tiêu. Thủ tướng Takeo Miki lần đầu tiên đưa ra nguyên tắc này vào năm 1976 để hạn chế chi tiêu đối với NDPO.⁶ Thủ tướng Yasuhiro Nakasone trên thực tế đã phá vỡ nguyên tắc này bằng việc đẩy chi tiêu lên trên 1% vào năm 1987, mặc dù các chính quyền kế tiếp đã giữ chi tiêu dưới mức trần này.

Việc Nhật Bản không sẵn lòng tăng ngân sách quốc phòng là nỗi thất vọng không chỉ đối với Bộ Quốc phòng và JSDF mà còn đối với Hoa Kỳ: Đại sứ Mỹ Thomas Schieffer vào tháng 5 năm 2008 đã công khai kêu gọi Nhật Bản tăng chi tiêu quốc phòng để tương xứng với sự tăng ngân sách quốc phòng của những nước khác trong khu vực Đông Á.⁷ Tuy nhiên, trong khi rõ ràng quy mô ngân sách quốc phòng là một hạn chế quan trọng trong việc tái quân sự hóa của Nhật Bản, cũng cần lưu ý rằng Nhật Bản đã sử dụng mảnh khóc để duy trì giới hạn 1% này, theo đó chi tiêu quốc phòng tăng theo những cách nhất định và kết quả là, sự hạn chế về lượng rõ ràng không hoàn toàn cản trở đến việc mở rộng về chất sức mạnh quân sự của Nhật Bản.

Ngân sách quốc phòng của Nhật Bản - trái ngược với thực tế của các quốc gia NATO, vốn là những nước mà Nhật Bản luôn dùng để so sánh về vấn đề giới hạn chi tiêu quốc phòng trong Sách trắng quốc phòng hàng năm của nước này - không bao gồm lương hưu quân đội và các chi phí bán quân sự của Lực lượng phòng vệ bờ biển Nhật Bản (JCG).⁸ Chính phủ đã tìm cách làm mờ nhạt vai trò

⁴ Asagumo Shimbunsha, *Boei Handobukku 1997* (Tokyo: Asagumo Shimbunsha, 1997), pp. 268–70; Asagumo Shimbunsha, *Boei Handobukku 1998* (Tokyo: Asagumo Shimbunsha, 1998), pp. 268–70; Asagumo Shimbunsha, *Boei Handobukku 2007* (Tokyo: Asagumo Shimbunsha, 2007), p. 336; Boeishohen, *Boei Hakusho 2008* (Tokyo: Zaimusho Insatsukyoku, 2008), p. 334.

⁵ Boeisho, *Waga Kuni no Boei to Yosan, Heisei 21nendo Gaisan Yokyu no Gaiyo* (Tokyo: Boeisho, 2008), <http://www.mod.go.jp/j/library/archives/yosan/2009/yosan.pdf>, p. 28; Boeisho, *Waga Kuni no Boei to Yosan, Heisei 21nendo Yosan no Gaiyo* (Tokyo: Boeisho, 2008), <http://www.mod.go.jp/j/library/archives/yosan/2009/yosan.pdf>, p. 28.

⁶ Kent E. Calder, *Crisis and Compensation: Public Policy and Political Stability in Japan* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1988), pp. 437–8.

⁷ 'Beitaishi ga Koen, Nihon no Boeishi "Zogaku Subeki"', *Yomiuri Shimbun*, 20 May 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/national/news/20080520-OYT1T00608.htm>.

⁸ Boeishohen, *Boei Hakusho 2008* (Tokyo: Zaimusho Insatsukyoku, 2008), p. 122.

quân sự của JCG. Điều 25 của Luật JCG khẳng định rằng lực lượng này không nên được xem như một đơn vị quân đội.⁹ Tuy vậy, Điều 80 lại chỉ rõ rằng JCG có thể được coi như một lực lượng bán quân sự, bởi thực tế là vào những thời điểm huy động JSDF, JCG có thể được đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.¹⁰

Hơn nữa, như chúng ta sẽ thấy trong chương 4, MSDF và JCG đã hoạt động như một lực lượng tích hợp trong các nhiệm vụ chống cướp biển từ tháng 3 năm 2009. JCG sở hữu sức mạnh hủy diệt ngày càng tăng để đối phó với các mối đe dọa hàng hải bên ngoài từ Bắc Triều Tiên và Trung Quốc, và ngân sách của lực lượng này đã mở rộng trong suốt thập kỷ qua ngay cả khi phần còn lại của ngân sách quốc phòng bị đình trệ.¹¹ Như vậy, nếu ngân sách quốc phòng của Nhật Bản được tính toán lại theo cơ sở của NATO, bao gồm cả lương hưu và JCG (lần đầu tiên các số liệu được đưa ra trong tài liệu này bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh), hay còn gọi là *kakushi yosan* (các ngân sách ẩn), thì chi tiêu quốc phòng đã thực sự liên tục vượt quá giới hạn 1% GNP từ những năm 1980, dao động từ 1,1% đến 1,5%.¹²

Nhật Bản cũng vẫn ra vẻ là giữ mức chi tiêu quốc phòng trong phạm vi 1% GNP, trong khi vẫn có khả năng linh hoạt ngân sách để mua sắm trang thiết bị quân sự đắt tiền và chất lượng cao, thông qua hình thức trả chậm (*saimu futan koi*).¹³ Hình thức này đã được sử dụng từ những năm 1970 nhằm dàn trải chi phí mua sắm các hệ thống vũ khí ra nhiều năm, xây dựng các khoản thanh toán quy mô lớn trong tương lai tương đương với hơn 60% của chi tiêu quốc. Các khoản thanh toán sẽ phải được chi trả từ ngân sách quốc phòng, và do đó có thể hạn chế khả năng tăng ngân sách trong tương lai, nhưng hành động này đã giúp Nhật Bản linh hoạt đáng kể khi vượt qua giới hạn chính thức 1%, và đã cho phép Nhật Bản tiếp tục mở rộng các năng lực quân sự của mình.

⁹ Kaijo Hoancho, *Kaijo Hoanchoho*, 1948, <http://law.e-gov.go.jp/htmldata/S23/S23HO028.html>.

¹⁰ Naigai Shuppanhen, *Boeicho Kankei Horeishu* (Tokyo: Naigai Shuppan, 2005), p. 71; IISS, *The Military Balance 2009*, p. 394.

¹¹ David Leheny, *Think Global, Fear Local: Sex, Violence and Anxiety in Contemporary Japan* (Ithaca, NY: Cornell University Press, 2006), pp. 157–69; Richard J. Samuels, *Securing Japan: Tokyo's Grand Strategy and the Future of East Asia* (Ithaca, NY: Cornell University Press, 2007), pp. 78–9; Richard J. Samuels, '“New Fighting Power!” Japan's Growing Maritime Capabilities and East Asian Security', *International Security*, vol. 32, no. 3, Winter 2007–08, pp. 84–112.

¹² Maeda Testuo, *Jieitai: Henyo no Yukie* (Tokyo: Iwanami Shinsho, 2007), pp. 144–5.

¹³ Harrison M. Holland, *Managing Defense: Japan's Dilemma* (New York: University Press of America, 1988), pp. 34–5; Michael E. Chinworth, *Inside Japan's Defense: Technology, Economics and Strategy* (Washington DC: Brassey's US, 1992), p. 63; Masako Ikegami-Andersson, 'Arms Procurement Decision Making: Japan', in Ravinder Pal Singh (ed.), *Arms Procurement Decision Making Volume I: China, India, Israel, Japan, South Korea and Thailand* (Oxford: OUP for SIPRI, 1998).

Quy mô và năng lực của JSDF

Việc đo lường mức độ tái quân sự hóa của Nhật Bản dựa trên quy mô và các xu hướng tuyển quân của JSDF cũng tạo ra một hình ảnh đa chiều tương tự. Cùng với NDPO 1995 và NDPG 2004, tổng thể sức mạnh nhân sự của JSDF chắc chắn đã giảm kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh. Với việc các mối đe dọa xâm lược từ Liên Xô biến mất, bản thân Lực lượng Lục quân Tự vệ (GSDF) đã thu hẹp, giảm gần một phần năm quân số thường trực kể từ NDPO đầu tiên vào năm 1976. Số lượng trang thiết bị cũng đã giảm, với việc GSDF mất gần một phần ba số xe tăng chiến đấu chủ lực (MBT), Lực lượng Hải quân Tự vệ (MSDF) và Lực lượng Không quân Tự vệ (ASDF) mất khoảng một phần mười tàu khu trục và máy bay chiến đấu. Tuy nhiên, cùng thời điểm đó, tổng trọng tải của JCG đã tăng từ 97.000 năm 1988 lên 126.000 tấn trong năm 2007, và quân số của nó đã tăng lên khoảng 12.000 người.¹⁴

Tuy nhiên, một chỉ dẫn tốt hơn đối với định hướng quân sự của Nhật Bản trong thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh không phải là việc giảm về lượng đối với quy mô của JSDF, mà là cải tiến về chất đối với năng lực quân sự của nó. Như đã đề cập ở đầu chương này, NDPG và MTDP năm 2004 đã tìm cách để chuyển đổi JSDF thành một lực lượng “đa chức năng, linh hoạt”. Điều này có nghĩa là Nhật Bản đang giảm dần sự phản đối với việc sở hữu các khả năng viễn chinh, mở đường cho một vai trò quân sự bên ngoài được mở rộng của Nhật Bản trong việc hỗ trợ các liên minh do Mỹ dẫn đầu và các Chiến dịch gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc (UNPKO).

GSDF đang tìm cách để tự chuyển đổi thành một lực lượng lưu động cho các hoạt động ở nước ngoài. Nó đã đưa ra loại xe tăng chiến đấu M90 50 tấn, và còn đang phát triển loại nhẹ hơn là xe tăng chiến đấu TK-X 40 tấn, dễ dàng vận chuyển hơn, được thiết kế cho các hoạt động chống nổi dậy và được bọc thép đặc biệt hiệu quả khi đối đầu với súng chống tăng và bom tự chế (IED) – cả hai loại vũ khí này thường được quân du kích sử dụng. GSDF cũng vẫn quan tâm đến việc mua tên lửa bờ đối bờ có tầm bắn xa 300 km để bảo vệ các đảo xa bờ, dù trước đó đã bị từ chối trong NDPG 2004.¹⁵

Các trở ngại của GSDF đã được giải quyết trong năm 2009 với quyết định tạm dừng việc mua sắm các loại máy bay trực thăng tấn công AH 64D *Apache Longbow*. Nhật Bản đã mua mười chiếc AH-64D đầu tiên từ Boeing, và đã lên kế

¹⁴ Kaijo Hoancho Somubu Seimuka 2007, figures provided via National Diet Library, 2007; IISS, *The Military Balance 2009*, p. 394.

¹⁵ Kenkyu Chakushu Miokuri: Choshatei Yudodan', *Asahi Shimbun*, 8 December 2004, p. 3.

hoạch để Fuji Heavy Industries (FHI) sản xuất thêm 52 chiếc theo giấy phép. Tuy nhiên, Bộ Quốc phòng đã buộc phải cắt giảm đơn đặt hàng do chi phí tăng có liên quan đến việc sản xuất được cấp phép, và thay vào đó có thể lựa chọn nâng cấp trực thăng tấn công AH-1 *Cobra* hiện tại hoặc phát triển một phiên bản tấn công của OH-1.¹⁶ Tuy nhiên, tham vọng về năng lực viễn chinh của GSDF đã được chứng minh bằng việc sử dụng ngân sách quốc phòng vốn dành cho việc phòng thủ tên lửa đạn đạo bổ sung năm 2009 chuyển sang cho trực thăng vận tải CH-47JA. Nhật Bản dường như đi theo hình mẫu của các quốc gia như Anh, đã thêm vỏ bọc sắt cho trực thăng *Chinook* để đối phó với các điều kiện ở Afghanistan và Iraq, cho thấy rằng họ đang chuẩn bị cho khả năng triển khai tới những chiến trường như vậy nếu cần thiết.

GSDF đã thành lập một Nhóm thường trực Trung ương (Central Readiness Group - CRG) trong năm 2007, kết hợp với các Lữ Đoàn Lính dù số 1, Lữ Đoàn máy bay trực thăng số 1, Đơn vị hạt nhân, sinh học và hóa học (NBC) số 101 và Nhóm chiến dịch đặc biệt (SOG). CRG thể hiện một sự chuyển hướng mới của Nhật Bản. Người ta dự định đưa nó thành một lực lượng phản ứng nhanh để phối hợp các hoạt động lưu động trên toàn quốc, đối phó với chủ nghĩa khủng bố trong nước, các cuộc xâm nhập bằng du kích và chiến tranh NBC (hạt nhân, hóa học, sinh học), và đào tạo nhân lực cho việc triển khai quân sự ở nước ngoài. Việc sớm thành lập SOG vào năm 2004 đã phản ánh một sự quan tâm mới đối với các lực lượng đặc biệt. Các nhân viên đeo mặt nạ của lực lượng này đã diễu hành công khai trong buổi lễ thành lập CRG năm 2007. Người ta gần như chưa từng nghe đến việc che giấu danh tính của các nhân viên quân sự ở Nhật Bản trong thời kỳ hậu chiến.

Năng lực quân sự của ASDF đã được tăng cường thông qua việc mua sắm các máy bay chiến đấu - ném bom F2 (mặc dù với số lượng ít hơn mong đợi ban đầu) và việc mua lại một máy bay có khả năng tiếp liệu trên không cùng với việc mua bốn máy bay tiếp dầu KC-767 (chiếc đầu tiên được giao vào tháng 2 năm 2008). ASDF cũng đang nâng cấp máy bay E-767 AWACS để cải thiện khả năng phát hiện các tên lửa hành trình đang tới. Mặc dù việc Nhật Bản ký Công ước Oslo về Bom chùm tháng 12 năm 2008 có nghĩa là nước này sẽ phải dùng một khoản chi phí đáng kể để dỡ bỏ số lượng lớn các vũ khí này được dùng cho việc bảo vệ đường bờ biển dài của mình, thì sự thay đổi này cũng mang đến một cơ hội để tăng cường khả năng của ASDF theo những cách khác. Lần đầu tiên, phân bổ ngân sách của ASDF bao gồm việc lắp đặt các máy bay F2 tích hợp bom định hướng thông minh

¹⁶ Sentoheli Appachi Chotatsu Chushi, Ichiki 200okuen ni Neagari de', *Yomiuri Shimbun*, 23 August 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20080823-OYT1T00413.htm>.

(JDAM), mang đến một khả năng phòng thủ phức tạp hơn và thậm chí có khả năng tấn công được coi là mạnh hơn so với bom chùm.¹⁷ Việc mua sắm JDAM của ASDF để đền bù cho sự tổn thất về bom chùm cùng mối quan tâm tiếp tục của nó đối với các thiết bị chiến tranh điện tử trên không và máy bay có khả năng tiếp nhiên liệu trong khi bay sẽ đem lại khả năng tấn công các căn cứ tên lửa của đối phương.

Ngoài ra, ASDF sẽ tìm cách thay thế máy bay chiến đấu-ném bom cũ F-4J bằng máy bay chiến đấu ưu việt F-X có khả năng vượt trội hơn các loại máy bay Su-27, J-10 và JF-17¹⁸ của Trung Quốc. Nhật Bản đã thể hiện mối quan tâm lớn với loại máy bay chiến đấu FA-22A *Raptor* của Mỹ, cũng như máy bay chiến đấu Chiến binh châu Âu – Cuồng phong - Eurofighter *Typhoon* do công ty BAE Systems tiếp thị. Tuy nhiên, cho đến nay Nhật Bản vẫn chưa mua được F-22 bởi một lệnh cấm vận xuất khẩu do Quốc hội Hoa Kỳ áp đặt.

Trong chuyến thăm Washington vào tháng Tư năm 2007, ông Abe đã yêu cầu Mỹ công bố số liệu về F-22, và Bộ trưởng Quốc phòng Fumio Kyuma một lần nữa nêu lên vấn đề này với Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates trong một cuộc họp tại Washington vào cuối tháng đó. Tuy nhiên, Quốc hội Hoa Kỳ vẫn duy trì lệnh cấm xuất khẩu trong tháng 7 năm 2008, một phần vì sợ rằng Nhật Bản có thể làm rò rỉ thông tin kỹ thuật nhạy cảm khi đã có một vụ tai tiếng về việc không bảo vệ được thông số kỹ thuật của hệ thống *Aegis*, và có thể cũng vì lo ngại về tác động của việc cung cấp F-22 cho Nhật Bản đối với sự cân bằng quyền lực khu vực. Tháng 5/2008, Phó trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng phụ trách khu vực Đông Á David Sedney cho biết Hoa Kỳ rất khó có thể chuyển giao thông tin về F-22 cho Nhật Bản, và rằng thay vào đó Tokyo nên xem xét việc mua máy bay F-35. Schieffer, Đại sứ Mỹ tại Nhật Bản, đã nhắc lại lập trường này ở Tokyo trong cùng tháng.¹⁹

Khi không có cơ hội nào để mua được F-22, và vì có nhu cầu tìm những ứng cử viên khác cho vị trí máy bay chiến đấu mới, Nhật Bản đã quyết định trì hoãn việc ra quyết định mua FX cho đến MTDP mới giai đoạn 2010-14. Trong khi đó, ASDF đang đầu tư nâng cấp radar và tên lửa không-đối-không AAM-5 cho các máy bay F-15 của mình như một biện pháp lấp chỗ trống, nhằm cải thiện khả năng đối phó với cả máy bay và tên lửa hành trình. Bộ Quốc phòng đã phân bổ 8,5 tỷ yen để Viện

¹⁷ 'F15 Kaisu 947okuen, FX Sentei Nanko Boeisho Gaisan Yokyu', *Asahi Shimbun*, 27 August 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0827/TKY200808270036.html>; Boeisho, *Waga Kuni no Boei to Yosan, Heisei 21nendo Yosan no Gaiyo*, pp. 21–2.

¹⁸ 'Kimaranu Jiki Sentoki: Boeisho Chugoku wa Gunji Zokyo Bokuryoku ni Kennen', *Nihon Keizai Shimbun*, 26 August 2008, p. 2.

¹⁹ 'Beitaiishi ga Koen, Nihon no Boeishi "Zogaku Subeki"', *Yomiuri Shimbun*, 20 May 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/national/news/20080520-OYT1T00608.htm>.

ngiên cứu kỹ thuật và phát triển (TRDI) và hãng Mitsubishi Heavy Industries tiến hành nghiên cứu một mẫu máy bay chiến đấu tàng hình thử nghiệm có công nghệ tiên tiến là Advanced Technology Demonstration -X (ATD-X), với hình thức cực kỳ giống với F-22.²⁰

Nhật Bản dường như vẫn còn nuôi hy vọng rằng F-22 có thể được Mỹ đưa ra dưới thời chính quyền Obama. Bộ Quốc phòng và ASDF xem máy bay F-22 là con át chủ bài đối với các năng lực quân sự của Trung Quốc và sẽ mang đến khả năng tương tác mạnh mẽ với Mỹ, và xem việc Nhật Bản triển khai các máy bay tiên tiến nhất hiện có là vấn đề uy thế. Những nhóm ảnh hưởng ở Mỹ có thể hỗ trợ việc xuất khẩu F-22 sang Nhật Bản. Không quân Mỹ (USAF) sẽ xem việc mua F-22 của Nhật Bản như là một biện pháp quan trọng trong việc tăng sức mạnh răn đe của liên minh ở Đông Á (với nhiều máy bay F-22 được triển khai tại Kadena, Okinawa), bù đắp sự thâm hụt của lực lượng F22 mà nước này nhận định. Lockheed Martin, Boeing và các nhà thầu quốc phòng Mỹ khác cũng nhìn thấy lợi ích trong việc duy trì dây chuyền sản xuất và đầu tư công nghệ thông qua việc chuyển giao F-22 cho Nhật Bản. Trong tháng 2 năm 2007, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) đã công bố một báo cáo lưỡng đảng của hai cựu quan chức chính phủ Mỹ Richard Armitage và Joseph Nye (Nye được cho là một ứng cử viên chức Đại sứ Mỹ tại Nhật Bản thời chính quyền Obama), kêu gọi Mỹ bán F-22 cho Nhật Bản như là một biện pháp quan trọng để củng cố liên minh.²¹

Nhật Bản cũng có thể cần phải suy nghĩ nghiêm túc về những thay thế khác cho máy bay F-4J của ASDF, đặc biệt là khi Mỹ đã cắt giảm đơn đặt hàng F-22 và có thể đóng cửa dây chuyền sản xuất F-22. F-35 có lẽ sẽ đáp ứng hầu hết các yêu cầu phòng không của Nhật Bản, và là một máy bay 'liên minh' đa quốc gia thực sự, mang lại khả năng tương tác cao với Mỹ và các đồng minh khác cùng tham gia vào chương trình.

Tuy nhiên, Tokyo ít có khuynh hướng thiên về lựa chọn này bởi vì F-35 hiện vẫn chưa có và vì là kẻ đến muộn, Nhật Bản sẽ ít có cơ hội được hưởng lợi từ việc chuyển giao công nghệ. Nhật Bản có thể ưng ý các phiên bản mới của F-15 và F-18 bởi khả năng chuyển giao công nghệ, nhưng các máy bay này không được coi là có công nghệ tiên tiến, và có lẽ ASDF xem F-18 về bản chất là một máy bay hải quân

²⁰ Boeisho, *Waga Kuni no Boei to Yosan, Heisei 21nendo Yosan no Gaiyo*, p. 23.

²¹ Richard L. Armitage and Joseph S. Nye, *The US-Japan Alliance: Getting Asia Right Through 2020* (Washington DC: CSIS, February 2007), http://www.csis.org/media/csis/pubs/070216_asia2020.pdf2020, p. 28.

không có đủ khả năng đạt ưu thế trên không.²² Nhật Bản có thể thấy Eurofighter *Typhoon* là lựa chọn tốt hơn vì giá của nó thấp hơn (160-200 triệu đô-la một chiếc F-22, so với khoảng 100 triệu USD một chiếc Eurofighter), và bởi vì có thể có được quyền sản xuất trong nước.

Khi trì hoãn quyết định mua FX, Nhật Bản có thể cố gắng kiên trì với F-22. Khả năng Nhật Bản có thể mua F-22 thành công trong tương lai, và thực tế là nước này tìm kiếm một máy bay chiến đấu có khả năng và công nghệ tàng hình tương tự, là những dấu hiệu quan trọng cho thấy tham vọng mở rộng quân sự của họ. F-22 sẽ mang lại cho Nhật Bản những khả năng phòng không quan trọng đối với lãnh thổ của mình. Đồng thời việc triển khai F-22 của ASDF, kết hợp với các khả năng tiếp nhiên liệu trong khi bay (cũng tương ứng với vai trò mà loại máy bay này thực hiện với Không quân Hoa Kỳ), sẽ mang đến cho Nhật Bản một khả năng mới tiềm tàng trong việc thâm nhập và phá hủy các hệ thống phòng không của bất kỳ đối thủ nào trong khu vực, một lần nữa cho thấy những năng lực triển khai sức mạnh mới của nước này.²³

ASDF cũng đang tìm cách để tăng cường khả năng quân sự của mình với việc sử dụng CX được sản xuất trong nước thay cho máy bay vận tải C-1, với phạm vi được tăng lên 6.000 km và thân máy bay được mở rộng với tải trọng 26 tấn, sẽ là phương tiện vận tải hàng không chủ yếu cho lực lượng phản ứng nhanh GSDF đối phó với các sự cố bất ngờ trong khu vực và xa hơn nữa. Tuy nhiên, Bộ Quốc phòng quyết định không yêu cầu dùng ngân sách quốc phòng mua CX ngay lập tức trong năm 2009, để chuyển kinh phí cho việc nâng cấp F-15.²⁴

Khả năng viễn chinh của MSDF đã được tăng cường thông qua việc mua sắm ba tàu vận tải lớp *Osumi*, với sàn phẳng để hạ cánh trực thăng vận tải và vũng đậu tàu tích hợp ở đuôi cần thiết cho hoạt động của tàu đệm khí có khả năng chứa xe tăng. MSDF lý giải rằng những tàu này là cần thiết trong việc gìn giữ hòa bình và các 'hoạt động quốc tế khác nhằm ủng hộ hòa bình', và hai trong số ba tàu đã được triển khai tới Đông Timor, Iraq, và Indonesia (như là một phần của hoạt động hỗ trợ nhân đạo sau trận sóng thần ở Ấn Độ Dương năm 2004).

²² Alexander Neill, Jonathan Eyal and John Hemmings (eds), *Delivering Defence Industrial Change* (London: Royal United Services Institute, 2008), <http://www.rusi.org/downloads/assets/JapanEnglish.pdf>, p. 61.

²³ Christopher Bolkcom and Emma Chanlett-Avery, *Potential F-22 Raptor Export to Japan, CRS Report for Congress* (Washington DC: Congressional Research Service, 2 July 2007), p. 5; 'Visiting F-22s Waging a War with the Bean Counters', *Japan Times Online*, 23 February 2009, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20090223a9.html>.

²⁴ 'Boei Yosan no Gaisan Yokyu, Nenryo Kosho de Sogaku 4cho 8448okuen', *Yomiuri Shimbun*, 27 August 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20080827-OYT1T00401.htm>.

Quan trọng nhất là MSDF đang xây dựng 2 tàu DDH (tàu khu trục-Máy bay trực thăng) lớp *Hyuga* mới, mỗi tàu có trọng tải tịnh 13.500 tấn (và khoảng 20.000 tấn khi nạp đầy đủ nhiên liệu và vũ khí) với mức bổ sung tiêu chuẩn bốn máy bay trực thăng (ba SH- 60J và một MCH-101). Chiếc *Hyuga* đầu tiên đã được trang bị vào Tháng Ba năm 2009. Mặc dù Bộ Quốc phòng coi các tàu này như những tàu khu trục, thực tế chúng là những tàu lớn nhất do MSDF vận hành trong giai đoạn sau chiến tranh (tương đương với trọng lượng rẽ nước của các tàu sân bay trực thăng và tàu sân bay hạng nhẹ của Tây Ban Nha, Italia và Anh), cùng với sàn tàu dài 195m và nhà chứa máy bay dưới sàn, chúng có khả năng mang tới 11 máy bay trực thăng, và khả năng tiếp nhận ba máy bay trực thăng hạ cánh và cất cánh đồng thời, cho thấy Nhật Bản đang khôi phục sở trường của mình trong vấn đề công nghệ tàu sân bay.²⁵

MSDF cũng đang phát triển PX trong nước để thay thế cho máy bay tuần tra và giám sát P-3C (mặc dù Nhật Bản đã phải đối mặt với áp lực mua máy bay hàng hải đa nhiệm của Mỹ), với tầm bắn mở rộng ra 8.000 km phù hợp với việc tuần tra xa như ở vòng ngoài của Biển Đông.²⁶ Các nhà hoạch định an ninh của Nhật Bản, như sẽ nêu chi tiết trong Chương 6, cũng đang thể hiện sự quan tâm tới việc mua lại các tên lửa hành trình *Tomahawk* để tấn công các căn cứ tên lửa của kẻ thù.

Một dự án mua sắm lớn khác của Nhật Bản là BMD (hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo), là khoản chi ngân sách lớn nhất cho giai đoạn 2004-2009. Mục tiêu là để tung ra toàn bộ hệ thống BMD hoàn chỉnh vào năm 2011. MSDF đã mua một hệ thống BMD lắp đặt sẵn với một tên lửa tiêu chuẩn SM-3 BLK IA từ Hoa Kỳ, và đang tìm cách để kết hợp khả năng của BMD với sáu tàu khu trục lớp *Atago* và *Kongo* được trang bị hệ thống *Aegis*. MSDF đã tiến hành thử nghiệm thành công máy bay đánh chặn đầu tiên của nó ngoài khơi đảo Hawaii vào tháng 12 năm 2007. Thử nghiệm thứ hai vào tháng 11 năm 2008 kém thành công hơn - máy bay đánh chặn SM-3 đã không thể theo dấu các tên lửa đạn đạo mục tiêu - nhưng dù sao hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo *Aegis* cũng được coi là đã thông qua hầu hết các mục tiêu thử nghiệm dành cho nó.²⁷ Nhật Bản và Mỹ trong khi đó vẫn tiếp tục nâng cấp các tên lửa đánh chặn để tạo ra các tên lửa tiêu chuẩn dạng SM-3 BLK IIA.

²⁵ 'Heri Kubo "Hyuga" Haibi Yokosuka ni Atarashii Goeikan', *Asahi Shimbun*, 19 March 2009, <http://www.asahi.com/national/update/0318/TKY200903180279.html>.

²⁶ Ebata Kensuke, *Nihon no Gunji Shisutemu: Jieitai Sobi no Mondaiten* (Tokyo: Kodansha, 2004), pp. 227-8.

²⁷ 'MSDF's SM-3 Test Fails To Shoot Down Missile', *Japan Times Online*, 21 November 2008, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20081121a3.html>; 'Despite Failure, Missile Defense System OK'd', *ibid.*, 17 December 2008, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20081217a3.html>.

Từ năm 2006 đến 2008, ASDF đã hoàn thành việc triển khai bốn khẩu đội pháo đánh chặn pha cuối Patriot Advanced Capability-3 (PAC-3), bao gồm 16 tên lửa tại các căn cứ xung quanh Tokyo (Takayama, Kanagawa; Narashino, Chiba, Iruma, Saitama; Kasumigaura, Ibaraki).²⁸ Trách nhiệm chủ chốt của các khẩu đội pháo là để bảo vệ thủ đô, và ASDF đã tiến hành diễn tập triển khai tại công viên Yoyogi và Vườn quốc gia Shinjuku Gyoen ở trung tâm Tokyo vào tháng Chín năm 2007 và tháng 1 năm 2008.²⁹ ASDF cũng đã tìm cách triển khai các đơn vị PAC-3 tới các tỉnh Akita và Iwate ở phía bắc của đảo Honshu để hỗ trợ trong trường hợp cần ngăn chặn các cuộc thử nghiệm tên lửa của Bắc Triều Tiên trong tháng 4 năm 2009. ASDF đã thử nghiệm thành công hệ thống PAC-3 ở New Mexico vào tháng Chín năm 2008.³⁰ Kể từ tháng 2 năm 2007, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra hệ thống 'J-Alert' để cảnh báo các cuộc tấn công tên lửa đạn đạo cho người dân Nhật Bản.³¹ ASDF cũng đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống chỉ huy và kiểm soát của hệ thống phòng không cơ bản trước đây (BADGE), để tạo ra hệ thống phòng không Nhật Bản (JADGE) là nhân tố căn bản của phòng không Nhật Bản trong trường hợp bị tấn công tên lửa. JSDF đang tiếp tục nâng cấp radar trên mặt đất FPS-3UG (năng lực đã được tăng cường) và phát triển một radar trên mặt đất FPS-5 mới vì mục đích phòng thủ tên lửa đạn đạo.

JSDF cũng đang nỗ lực để bắt tay vào việc chuyển đổi lực lượng kiểu Mỹ của riêng mình nhằm phối hợp đồng bộ và tăng cường giữa các lực lượng quân sự. Nhật Bản đã chuyển hướng sang phát triển nội địa các phương tiện bay không người lái (UAVs) để giám sát chiến trường ven biển, lần đầu tiên được đưa vào ngân sách quốc phòng năm 2009. JSDF đã bắt đầu các hoạt động quân sự toàn diện, lần đầu tiên thử nghiệm phối hợp lực lượng trong các hoạt động nhân đạo sau thảm họa sóng thần Ấn Độ Dương, với các máy bay trực thăng và xe tải của GSDF được triển khai hoạt động từ các tàu lợi nước *Osumi* của MSDF.

²⁸ 'Tokyo-area Gets Last PAC-3 Battery', *ibid.*, 30 March 2008, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20080330a9.html>.

²⁹ 'Yogeki Missairu, Yoyogi Koen Nado de Tenkai Kento Kugatsu ni mo Kunren', *Asahi Shimbun*, 31 August 2007, <http://www.asahi.com/politics/update/0830/TKY200708300385.html>.

³⁰ 'MSDF Fails To Intercept Missile in Test', *Daily Yomiuri Online*, 21 November 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/dy/world/20081121TDY01303.htm>.

³¹ 'Missile Attack Alarm Falsely Tripped', *Japan Times Online*, 14 August 2008, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20080815a8.html>.

Nhật Bản và việc quân sự hóa không gian

Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản bắt đầu nới lỏng các hạn chế đối với nguyên tắc về việc sử dụng không gian một cách hòa bình năm 1969 dưới thời chính quyền của Yasuhiro Nakasone (1983-1987), với việc chấp nhận sử dụng vệ tinh cho mục đích thông tin quân sự.³² Tuy nhiên, các động thái phá vỡ nguyên tắc này một cách rõ ràng chỉ diễn ra sau khi Bắc Triều Tiên thử nghiệm Taepo-dong-1 vào năm 1998. Bị thúc đẩy bởi nhu cầu cải thiện khả năng tình báo tự chủ, và bởi những lợi ích quân sự-công nghiệp, Chính phủ đã sử dụng 'vệ tinh đa mục tiêu' (tamoku-teki eisei) hoặc 'vệ tinh thu thập tình báo' (Joho Shushu eisei) (IGS).³³ Nhật Bản sử dụng thuật ngữ này để che giấu bản chất quân sự của các vệ tinh nằm dưới sự kiểm soát của Trung tâm Tình báo vệ tinh nội các (CSICE) thuộc Văn phòng Nghiên cứu Tình báo Nội các (CRIO) này, một lần nữa nhằm che giấu bản chất quân sự của các khoản mua sắm đó.

Từ năm 2003 đến 2007 Nhật Bản đã phóng 4 chiếc IGS sản xuất trong nước, hai chiếc quang học và hai chiếc với radar khẩu độ tổng hợp-(SAR). Các vệ tinh này có vẻ khá có ích trong việc theo dõi các căn cứ tên lửa của Bắc Triều Tiên, mặc dù với độ phân giải 1 mét của các vệ tinh quang học và 1-3 mét của SAR chúng không có được những khả năng của các vệ tinh do Mỹ triển khai.³⁴ Nhật Bản vẫn phụ thuộc vào Mỹ trong việc giám sát bằng vệ tinh hồng ngoại để phát hiện các vụ phóng tên lửa, và cảnh báo sớm cần thiết để khởi động bất kỳ hệ thống BMD nào.

Việc Nhật Bản triển khai các vệ tinh gián điệp và BMD đã dần dần đẩy nước này tới việc hoàn toàn vi phạm nguyên tắc phi quân sự trong sử dụng không gian một cách hòa bình. Các chính phủ kế tiếp đã từng bước chuyển từ sự giải thích từ 'hòa bình' (heiwa no mokuteki) ban đầu năm 1969 có nghĩa là 'phi quân sự' (higunji) sang nhấn mạnh tác dụng "phòng thủ" quân sự của không gian. Trong tháng sáu năm 2007, LDP đã giới thiệu một bộ luật cơ bản về các hoạt động không gian mới, Điều 2 trong đó nói rằng Nhật Bản sẽ tiến hành các hoạt động trong không gian phù hợp với các nguyên tắc của Hiến pháp, do đó cho phép sử dụng không gian vào mục đích 'phòng thủ'.³⁵ DPJ đã ủng hộ dự luật này, nhưng quá trình

³² Aoki Setsuko, *Nihon no Uchu Senryaku* (Tokyo: Keio Gijuku Daigaku Shuppan, 2006), pp. 177–80; Oros, *Normalizing Japan*, p. 137.

³³ Sunohara Tsuyoshi, *Tanjo Kokusan Supai Eisei: Dokuji Joho to Nichibei Domei* (Tokyo: Nihon Keizai Shimbunsha, 2005).

³⁴ Pat Norris, *Spies in the Sky: Surveillance Satellites in War and Peace* (New York: Springer, 2008), p. 180.

³⁵ Suzuki Kazuto, 'Space: Japan's New Security Agenda', *RIPS Policy Perspectives*, 5 October 2007, http://www.rips.or.jp/English/publications/rips_pp_5.html.

thông qua nó đã bị Quốc hội Nhật Bản trì hoãn vào cuối năm 2007 do bế tắc chính trị chung. Tuy nhiên, LDP và DPJ cuối cùng đã đẩy dự luật thông qua, và bộ luật đã được ban hành vào tháng 5 năm 2008.

Bộ Luật cơ bản quy định việc thành lập các Cơ quan chỉ huy chiến lược phát triển không gian vũ trụ (SHDOS) vào tháng 8/2008 thuộc nội các, dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.³⁶ Cơ quan chỉ huy bao gồm một số nhóm công tác có nhiệm vụ nghiên cứu các khía cạnh chiến lược, pháp lý và kỹ thuật của các hoạt động không gian. Bao gồm các chuyên gia về luật không gian, chính trị quốc tế và công nghệ, một số người cũng là thành viên của Ban Cố vấn của Thủ tướng về quốc phòng.³⁷ Đối lại, Bộ Quốc phòng đã thành lập một Ủy ban riêng để đẩy mạnh việc thám hiểm không gian trong tháng 9 năm 2008 để tham vấn về các hoạt động liên quan đến không gian trong các phiên bản NDPG và MTDP tiếp theo.³⁸

SHDOS đã đưa ra một bản dự thảo báo cáo trong tháng 11 năm 2008 cho rằng Nhật Bản có thể cần phải đưa ra các vệ tinh cảnh báo sớm sử dụng hồng ngoại để phát hiện tên lửa đạn đạo trong giai đoạn khởi động.³⁹ Ủy ban Xúc tiến thám hiểm không gian của Bộ Quốc phòng đã đưa ra báo cáo đầu tiên vào 15 tháng 1 năm 2009. Báo cáo này cho rằng Nhật Bản cần thúc đẩy việc sử dụng các vệ tinh thông tin liên lạc, định vị toàn cầu và vệ tinh thời tiết; khảo sát các phương tiện để bảo vệ các vệ tinh khỏi bị tấn công; cải thiện khả năng IGS; và nghiên cứu việc mua lại các vệ tinh cảnh báo sớm sử dụng hồng ngoại để nâng cao hiệu quả của BMD.⁴⁰ Ban Quốc phòng thuộc Hội đồng nghiên cứu chính sách (PRC) của LDP đã đưa ra báo cáo riêng trong năm 2008, kêu gọi Nhật Bản tăng cường các hệ thống cảnh báo sớm để phòng thủ tên lửa đạn đạo trước năm 2015.⁴¹

Sự tham gia của Nhật Bản vào việc quân sự hóa không gian rõ ràng được thúc đẩy bởi sự đánh giá của nước này về môi trường an ninh khu vực. Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản tin rằng họ phải cố gắng bắt kịp với khả năng quân

³⁶ Kokkai Shugiin, *Uchu Kihon Hoan*, May 2008, http://www.shugiin.go.jp/index.nsf/html/index_gian.htm.

³⁷ Shusho Kantei, *Uchu Kaihatsu Senryaku Semonin Chosakai Koseiin*, August 2008, <http://www.kantei.go.jp/jp/singi/utyuu/pdf/1.pdf>.

³⁸ Japan Ministry of Defense, *Space Related Defence Policies and Future Topics for Consideration*, November 2008, http://www.mod.go.jp/e/d_policy/pdf/space2008.pdf, p. 4.

³⁹ 'Govt May Propose Missile Defense Satellite', *Yomiuri Shimbun*, 5 November 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/dy/national/20081105TDY020307.htm>.

⁴⁰ Boeisho Uchu Kaihatsu Riyo Iinkai, *Uchu Kaihatsu Riyo ni Kansuru Kihon Hoshin ni Tsuite*, 15 January 2009, <http://www.mod.go.jp/j/info/uchukaihatsu/pdf/kihonhoshin.pdf>, pp. 4, 6.

⁴¹ 'Uchu no Boei Riyo Kaikin, Gijutsu Kenkyu no Keikakushitsu Shinsetsu e, Boeisho', *Yomiuri Shimbun*, 28 August 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20080828-OYT1T00100.htm>.

sự trong không gian đang tăng lên của Trung Quốc, và duy trì thế cân bằng về lợi ích quân sự trong không gian với Hàn Quốc và Ấn Độ. Nhật Bản tiếp tục đặt ra yêu cầu phải tăng cường khả năng duy trì và cải thiện khả năng tương tác với Hoa Kỳ, và giảm bớt sự phụ thuộc vào Hoa Kỳ đối với các vệ tinh cảnh báo sớm chủ chốt dành cho BMD. Khả năng của Nhật Bản trong việc phát triển năng lực vệ tinh đầy đủ sẽ bị hạn chế bởi ngân sách quốc phòng của nó, nhưng dường như các bản NDPG sửa đổi năm 2009 và MTDP 2010 – 2014 sẽ tập trung vào những nỗ lực không ngừng trong lĩnh vực này.

Lực lượng phòng vệ bờ biển Nhật Bản

JCG, lực lượng bán quân sự trên biển của Nhật Bản, đã âm thầm tăng cường các khả năng của chính mình và các khả năng triển khai sức mạnh bên ngoài. Tàu tuần tra cỡ lớn chở trực thăng (PLH) lớp *Shikishima* của JCG có trọng tải khoảng 6.500 tấn và lớn hơn tàu khu trục *Aegis* lớp *Kongo* của MSDF; nó cũng mang theo hai máy bay trực thăng, và được trang bị hai khẩu pháo nòng đôi 35 mm và một súng nòng xoay M61 20mm. Nó thường xuyên đảm nhận nhiệm vụ ở phạm vi lên đến 37.000 km, đã được sản xuất để hộ tống nguồn cung cấp pluton từ châu Âu. JCG còn có 55 tàu khác với hơn 1.000 tấn, trong đó có nhiều chiếc tương tự với tàu khu trục lớp *Hatsuyuki* của MSDF. JCG được báo cáo là có trọng tải gần bằng 60% của Hải quân Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLAN).⁴² JCG cũng có lực lượng bán đặc nhiệm dưới hình thức một Đội An Ninh Đặc Biệt (SST) với các tàu kiểm tra buôn lậu, và có tàu tuần tra và cảnh báo sớm tầm xa. JCG đã tham gia vào các cuộc tập trận đa quốc gia trong khuôn khổ Sáng kiến an ninh chống phổ biến hạt nhân (PSI) do Mỹ dẫn đầu, và các cuộc tập trận chống cướp biển song phương với các quốc gia ở Đông Nam Á.⁴³

Kết luận

Các nhà hoạch định chính sách của Nhật Bản cho rằng việc tiếp cận các khả năng nêu trên không vi phạm lệnh cấm sở hữu các năng lực quân sự, suy cho cùng các tàu DDH của MSDF được coi là tàu sân bay hạng nhẹ chứ không phải là tàu khu trục, không phải là các hệ thống "tấn công", và khả năng tiếp nhiên liệu trên không

⁴² Samuels, "New Fighting Power!", p. 99.

⁴³ Christopher W. Hughes, *Japan's Security Agenda: Military, Economic and Environmental Dimensions* (Boulder: CO, Lynne Rienner, 2004), pp. 222–6.

của ASDF, JDAM và các máy bay chiến đấu chỉ có thể được đưa vào sử dụng cho việc phòng thủ chiến thuật hơn là các mục đích ném bom chiến lược.

Tuy nhiên, kể cả có sự mù mờ về định nghĩa đó, có thể thấy rõ ràng là hiện nay, ít nhất Nhật Bản đã có khả năng chiến đấu phục vụ việc triển khai quân bên ngoài nước Nhật. Một phần, khả năng viễn chinh của Nhật Bản sẽ được sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, nhưng một phần lớn hơn, như đã được chứng minh khi Nhật Bản tiến hành triển khai 'bên ngoài khu vực', năng lực của JSDF mang lại một lá chắn di động mới cho sức mạnh tấn công của Mỹ trong các sự cố bất ngờ ở khu vực và toàn cầu. Hải quân Nhật Bản với khả năng đổ bộ và vận chuyển hàng không đã thể hiện một phần tiềm năng hỗ trợ cho sức mạnh toàn cầu của Mỹ trong tương lai khi tham gia các liên minh do Mỹ dẫn đầu ở Ấn Độ Dương và Iraq, và những khả năng này sẽ được tăng cường bởi các tàu sân bay trực thăng của JSDF và hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo di động trên biển. Hơn nữa, ngay cả khi việc giải thích hiến pháp hiện hành và các học thuyết (quân sự) hạn chế việc Nhật Bản mua sắm và sử dụng các khả năng quân sự để triển khai sức mạnh phòng thủ cơ bản, phần lớn những khả năng đó vẫn duy trì sức mạnh tấn công tiềm ẩn, nếu việc giải thích hiến pháp và các học thuyết thay đổi trong tương lai.

Môi trường chiến lược của Nhật Bản đã khiến nước này tiếp tục theo đuổi việc hiện đại hóa các lực lượng quân sự của mình trong dài hạn. Quốc gia này đã buộc phải đưa ra các lựa chọn khó khăn đối với các khoản mua sắm mới trong bối cảnh ngân sách quốc phòng hạn hẹp, trong một số trường hợp còn phải trì hoãn các khoản mua, và cũng giống như bất kỳ quốc gia phát triển nào, những tham vọng của Nhật Bản không phải luôn luôn phù hợp với những nguồn lực sẵn có.

Tuy nhiên, Nhật Bản đã thành công trong việc thúc đẩy đáng kể các khả năng viễn chinh phục vụ phòng thủ và nhiều khả năng là cả tấn công kể từ NDPG 2004. Nước này đang tạo ra một lực lượng mặt đất lưu động hơn, một lực lượng không quân với phạm vi tiếp cận lớn hơn trong khu vực và toàn cầu và một lực lượng hàng hải với các công nghệ đổ bộ và tàu sân bay. Nó đang tiến về phía trước liên tục với việc triển khai các hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo và công nghệ không gian mới, và JCG đang mở rộng khả năng và phạm vi nhiệm vụ của mình.

Tokyo trong nhiều trường hợp đã tham gia vào một cuộc chạy đua vũ trang âm thầm với Trung Quốc: đạt sự tương xứng với sức mạnh không quân đang tăng của Trung Quốc bằng sức mạnh phòng không được nâng cao; chống lại tham vọng Hải quân xa bờ đang tăng của Trung Quốc với các phương tiện ngày càng có khả năng chống tàu ngầm và tàu sân bay; và cố gắng vô hiệu hóa tên lửa đạn đạo và

tên lửa hành trình của Trung Quốc. Đồng thời, các chương trình mua sắm của Nhật Bản được thiết kế để mang lại khả năng cần thiết khi tham gia vào các liên minh do Mỹ dẫn đầu.

Việc hiện đại hóa quân sự liên tục của Nhật Bản đã không bị cản trở bởi những hạn chế về ngân sách hoặc khó khăn chính trị, và được tiếp tục sau năm 2009. Việc nước này tăng cường hợp tác quân sự trong khu vực và toàn cầu với Mỹ, Liên Hợp Quốc và các chủ thể quốc tế khác tiếp tục đẩy JSDF hướng tới việc tăng cường sức mạnh viễn chinh. Các thành viên của Nhóm cố vấn Quốc phòng của Thủ tướng đã luôn lập luận ủng hộ việc Nhật Bản có một lập trường quyết đoán hơn về quốc phòng và hợp tác nhiều hơn trong liên minh Mỹ-Nhật.⁴⁴ Do đó nhóm cố vấn có khả năng tư vấn tiếp tục tăng cường các nỗ lực trong những lĩnh vực đó, thúc đẩy các chương trình liên quan đến FX, CX và BMD, và tiếp tục nỗ lực đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

⁴⁴ 'Boei Taiko Kaitei Honkaku Girone: Chucho Kokusai Koken ni Juten', *Nihon Keizai Shimbun*, 9 January 2009, p. 2; Kaneko Masafumi, 'Boei Taiko o Do Minaosu ka', *PHP Policy Review*, vol. 2, no. 11, 10 December 2008, p. 7.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
